



fǎn háng

返航

verb · return voyage, return flight

Example Sentences

Fēi jī yīn tiān qì yuán yīn fǎn háng

飞机因天气原因返航。

The plane returned due to weather reasons.

Yú chuán zài fēng bào lái lín qián jǐn jí fǎn háng

渔船在风暴来临前紧急返航。

The fishing boat made an emergency return before the storm arrived.

Trace each character, then write the word on your own.

返	返	返	返	返	返	返	返	返	返
航	航	航	航	航	航	航	航	航	航
航	航								